TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: *109/2018/HN - ST*
Ngày: *31 - 10 - 2018*
V/v tranh chấp *" Ly hôn, nuôi con "*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ - TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Tử Điệc

2. Bà Phạm Thị Ánh Tuyết

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 331/2018/TLST - HN ngày 27 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp " ly hôn, nuôi con " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2018/QĐXXST - HN ngày 18 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu B, sinh năm 1983 (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Trường S, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 197A/18 ấp TQ, xã PĐ, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị Thu B và anh Nguyễn Trường S kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng sống chung đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn không khắc phục được, nguyên nhân là do anh S thay đổi tính tình, thường xuyên uống rượu, nhiều lần uống rượu về anh S đập đồ đạc trong nhà rồi kiếm chuyện chửi mắng, đánh đập chị làm cho con cái hoảng sợ không yên tâm học hành. Năm 2017, anh S uống rượu về chửi mắng và đánh đuổi chị nên chị đã đưa con về nhà cha mẹ ruột

sống. Tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, sống chung không hạnh phúc, không có khả năng hàn gắn nên chị Thu B yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Trường S.

- Về con chung: Chị Thu B và anh S có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Như Q, sinh ngày 06/11/2005 và Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh ngày 07/9/2007. Chị Thu B yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Thu B khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn - anh Nguyễn Trường S không tham gia hòa giải, cũng không có văn bản nêu ý kiến về các yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "ly hôn, nuôi con", do bị đơn hiện đang cư trú tại xã Phú Đức, huyện Long Hồ, căn cứ vào quy định tại Điều 28, điểm 1 khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Trường S được triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Trường S theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 53, quyển số 01/2004 do Ủy ban nhân dân xã Phú Đức, huyện Long Hồ cấp ngày 02/11/2004 là có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu B và anh Nguyễn Trường S là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa cùng các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện giữa chị Thu B và anh S đã có nhiều bất hòa, mâu thuẫn trầm trọng. Anh S không chăm lo gia đình mà còn bạo hành chị Thu B, dẫn đến việc chị Thu B đưa 02 con chung về sống bên gia đình mẹ ruột từ năm 2017, từ đó vợ chồng mạnh ai nấy sống, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn. Anh S cũng không có văn bản nêu ý kiến về những nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do phía chị Thu B đưa ra, không tham gia hòa giải, không có thiện chí đoàn tụ. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu ly

hôn của chị Thu B là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thu B được ly hôn anh Nguyễn Trường S.

[4] Về con chung: Xét, yêu cầu của chị Thu B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Ngọc Như Q, sinh ngày 06/11/2005 và Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh ngày 07/9/2007 là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, chị Thu B hiện nay đang nuôi dưỡng 02 con chung, cháu Như Q và cháu Trâm A cũng có nguyện vọng sống chung với chị Thu B nên căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu Như Q và Trâm A cho chị Thu B được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Thu B không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Thu B không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Nợ chung: Chị Thu B khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị Thu B phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thu B được ly hôn anh Nguyễn Trường S.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Như Q, sinh ngày 06/11/2005 và cháu Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh ngày 07/9/2007 cho chị Nguyễn Thị Thu B tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Thu B không yêu cầu anh Nguyễn Trường S cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung: Chị Thu B không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị Thu B khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị Thu B đã nộp 300.000 đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0001710 ngày 27/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LH nên được khấu trừ qua, chị Thu B không phải nộp thêm án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thu Bđược quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Trường S vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đặng Thị Ngọc Tú